

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BKHĐT-KTNN
V/v rà soát, hoàn thiện Nghị
định thay thế Nghị định số
57/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

**Dự thảo
8/2023**

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các văn bản số 9434/VPCP-NN ngày 06/11/2020, số 961/VPCP-NN ngày 06/02/2021, số 7571/VPCP-NN ngày 10/11/2022 của Văn phòng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và văn bản số 6503/VPCP-NN ngày 23/8/2023 của Văn phòng Chính phủ thông báo về việc gia hạn thời gian trình dự thảo Nghị định và tiếp tục lấy ý kiến của các bộ, cơ quan và các đối tượng liên quan.

Tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, đối tượng liên quan (*chi tiết tại các văn bản kèm theo*), Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi tắt là Nghị định số 57).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ những nội dung chủ yếu như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Điều 18 Luật Đầu tư năm 2020 quy định: “1. Các hình thức hỗ trợ đầu tư bao gồm: a) Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư; b) Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; c) Hỗ trợ tín dụng; d) Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước; đ) Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; e) Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin; g) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

2. Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, **Chính phủ quy định chi tiết các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, phổ biến pháp luật và các đối tượng khác**”.

- Tại Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao nhiệm vụ: “*Tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách, quy định, tạo*

điều kiện thuận lợi nhất trong bố trí nguồn lực và thu hút đầu tư và nông nghiệp, nông thôn”.

- Tại điểm đ, mục II Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 của Chính phủ về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, bền vững giao các Bộ: *“Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách quy định, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển nông nghiệp, đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp”.*

- Tại Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *“Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và các địa phương triển khai hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; các nhiệm vụ và giải pháp Chính phủ giao tại Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 của Chính phủ về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững. Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác.”.*

- Khoản 6, Điều 5 (về đối tượng đầu tư công) của Luật Đầu tư công năm 2019 quy định: *“Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng quy định tại khoản này.”.* Hiện chưa có quy định cụ thể về đối tượng đầu tư công đối với hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định nêu trên.

- Tại điểm o, khoản 10, Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 quy định các ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 trong đó có nhiệm vụ *hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.*

- Tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/9/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đề ra một số nhiệm vụ giải pháp chủ yếu trong đó liên quan tới hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn như:

“...- Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hình thành các doanh nghiệp có quy mô lớn sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

- Tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi, khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; hỗ trợ tín dụng cho hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ nông thôn phát triển sản xuất kinh doanh; nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng.

- Có chính sách phù hợp đối với xây dựng nông thôn mới ở vùng ven đô thị, đồng bằng, miền núi, biên giới, hải đảo; khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn”.

Như vậy, cơ sở pháp lý là đầy đủ và phù hợp để Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, xây dựng và hoàn thiện Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP trình Thủ tướng Chính phủ.

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH

1. Những khó khăn, một số điểm còn chưa phù hợp trong quá trình thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

- Các căn cứ pháp lý ban hành Nghị định số 57/2018/NĐ-CP đã được điều chỉnh, sửa đổi gồm: Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Đầu tư năm 2020, Luật Doanh nghiệp năm 2020, do đó các quy định tại Nghị định cần được rà soát đảm bảo phù hợp với các Luật mới đã được ban hành.

- Giai đoạn 2016-2020, ngân sách nhà nước còn hạn chế, thực hiện việc phân cấp cho địa phương lựa chọn dự án sử dụng ngân sách trung ương, dẫn đến các địa phương tập trung nguồn vốn bố trí kết cấu hạ tầng công cộng, còn ít nguồn vốn bố trí để thực hiện chính sách quy định Nghị định 57/2018/NĐ-CP. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến Nghị định triển khai không đạt mục tiêu đề ra.

- Một số quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP chưa rõ, chưa đảm bảo tính thực tiễn hoặc chưa đồng bộ với các Luật hiện hành như:

+ Trình tự thực hiện Quyết định chủ trương đầu tư của dự án còn có những cách hiểu khác nhau giữa Quyết định chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư và theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP (Quyết định chủ trương cho danh mục các dự án được khuyến khích đầu tư). Do đó, dự thảo Nghị định thay thế sửa đổi theo hướng đồng bộ với Luật Đầu tư năm 2020.

+ Quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với xây dựng nhà ở cho người lao động tại Điều 5, Điều 6 của Nghị định 57/2018/NĐ-CP chưa rõ trình tự, thủ tục, dẫn đến khó xác định nhà ở được xây dựng cho người lao động sử dụng hay không, việc chuyển nhượng sau này như thế nào,... dự thảo Nghị định thay thế bỏ hỗ trợ đối tượng này.

+ Quy định tính tài sản thế chấp cho nhà lưới, nhà kính, nhà màng để vay vốn tại các ngân hàng thương mại tại khoản 2, Điều 8 Nghị định 57/2018/NĐ-CP chưa khả thi khi các ngân hàng thương mại hoạt động theo thị trường, khó chấp nhận tài sản khi không đảm bảo giá trị thế chấp. Dự thảo Nghị định thay thế dự kiến bỏ quy định này.

+ Việc hỗ trợ xây dựng trang thông tin điện tử “Chợ nông sản quốc gia” tại khoản 3, Điều 10 Nghị định 57/2018/NĐ-CP chưa khả thi (Bộ Công thương rà soát, xác định không có doanh nghiệp nào đăng ký thực hiện thời gian qua). Thực tiễn, các trang thương mại điện tử, thương mại điện tử nông sản đang hoạt động, phát triển tốt, do đó giai đoạn tới chưa cần hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

+ Quy định “cho phép chủ đầu tư dự án thực hiện song song hoặc lồng ghép các thủ tục về đất đai, môi trường, xây dựng và nhận hỗ trợ đầu tư” tại khoản 2, Điều 16 Nghị định 57/2018/NĐ-CP chưa rõ cách thức thực hiện. Dự thảo Nghị định thay thế bỏ quy định này, do các quy định đất đai, môi trường, xây dựng đã được hướng dẫn tại các Luật; Nghị định chỉ hướng dẫn nội dung hỗ trợ đầu tư theo Điều 18 Luật Đầu tư.

+ Quy định tại khoản 1, Điều 19 về “Ban hành cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn phù hợp với thẩm quyền và các quy định của pháp luật” được giao cho địa phương là khó thực hiện do khuôn khổ pháp lý chưa đầy đủ. Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang được Chính phủ giao xây dựng Nghị định khuyến khích tập trung, tích tụ đất đai cho sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, Luật Đất đai đang được nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, nên dự thảo Nghị định thay thế thay đổi theo quy định mới.

2. Nông nghiệp, kinh tế nông thôn đang phát sinh một số yếu tố và yêu cầu mới:

Sản xuất, chế biến nông sản vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức.

- Mặc dù nhu cầu với nông sản có xu hướng tăng lên nhưng các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu, trang trại, người sản xuất nông sản lại gặp khó khăn trong việc tiếp cận thị trường do những thách thức từ việc bổ sung các điều kiện kỹ thuật của các nước; tăng cường kiểm dịch đối với hàng hóa,...

Thêm vào đó, việc thiếu hụt nguồn nhân lực trong các khâu sau thu hoạch, bao gồm cả sơ chế, bảo quản, chế biến và phân phối hàng hóa cùng những thủ tục hành chính còn chưa đơn giản; chi phí logistics còn cao so với khu vực và thế giới cũng đã gây nhiều thách thức cho nông sản của Việt Nam.

- Quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa, nhu cầu tiêu dùng lương thực, thực phẩm trong nước tăng lên rõ rệt đối với hầu hết các nông sản, từ các sản phẩm tiêu dùng thiết yếu như lúa gạo, rau quả, thịt lợn đến các sản phẩm có giá trị cao hơn như thịt bò, thủy sản và cả các sản phẩm cao cấp như đồ gỗ nội thất, hoa, cây cảnh, rau quả hữu cơ, dược liệu, sữa, ...

Do đó, cần thiết bổ sung chính sách hỗ trợ chăn nuôi các loại gia súc, chế biến, bảo quản nông, lâm nghiệp, thủy sản nhằm nâng cao giá trị gia tăng của ngành, tạo cạnh tranh bình đẳng, đưa giá thành sản phẩm nông nghiệp về mặt bằng chung, hợp lý hơn.

Sản xuất, chế biến nông sản có những tiềm năng và cơ hội.

- Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới CPTPP, EVFTA, RCEP mới được ký kết và bắt đầu có hiệu lực. Với khoảng 15 hiệp định thương mại tự do (FTA) khi được thực thi, hàng xuất khẩu của Việt Nam sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi khi tiếp cận thị trường ở trên 50 quốc gia, bao gồm hầu hết các đối tác thương mại lớn nhất, chiếm trên 70% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Trên thực tế, CPTPP và EVFTA đã đạt mức độ tự do hóa gần như 100% hàng hóa. Việc loại bỏ thuế suất với các mặt hàng nông sản chế biến sẽ khuyến khích công nghiệp thực phẩm đầu tư sản xuất các mặt hàng cho thị trường này, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu nông sản theo hướng gia tăng tỷ trọng các sản phẩm chế biến. Các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới được ký kết vừa tạo ra sân chơi mới, cơ hội mới vừa tạo ra thách thức mới cho nông sản Việt Nam nhất là nông sản hữu cơ và nông sản sạch.

Do vậy, cần thiết có chính sách hỗ trợ phù hợp, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nông nghiệp đảm bảo có thể chủ động, đủ khả năng hòa nhập khi các Hiệp định thương mại tự do được thực thi đầy đủ.

Doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam phần lớn xuất thân từ “Làng quê” tiếp tục đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn sẽ thúc đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị thông qua sản xuất nông nghiệp hàng hóa, hình thành các cụm cơ sở chế biến nông sản. Từ đó, sẽ tạo thêm nhiều việc làm hơn nữa, một bộ phận nông dân có thể “ly nông” nhưng không phải “ly hương”, tạo điều kiện thuận lợi để hình thành các cụm đô thị nông thôn với cơ sở hạ tầng đồng bộ về y tế, văn hóa, giáo dục,... hướng tới phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn. Để giải quyết vấn đề trên, Chính phủ cần sớm có chính sách căn cơ, cụ thể nhằm hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp từ đó sẽ giải quyết được bài toán việc làm, thu nhập khu vực nông thôn.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH

1. Quan điểm, mục tiêu:

a) Quan điểm

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, tạo môi trường thuận lợi để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tại khu vực nông thôn.

- Sự phát triển của doanh nghiệp nông nghiệp, nông thôn là nhân tố quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến thành công của cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Hình thành các doanh nghiệp có quy mô lớn sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

b) Mục tiêu

Việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 57/2018/NĐ-CP nhằm mục tiêu:

- Đảm bảo đồng bộ với các Luật, đặc biệt là các Luật mới được ban hành: Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Đầu tư năm 2020, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và phù hợp với thực tiễn.

- Sửa đổi một số quy định còn chưa phù hợp được phát hiện trong quá trình triển khai Nghị định. Kế thừa cơ chế, chính sách hỗ trợ sau đầu tư của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP; quy trình, thủ tục rõ ràng, minh bạch, khả thi để doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và công tác quản lý nhà nước được đảm bảo trong quá trình triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ.

- Hình thức hỗ trợ đầu tư doanh nghiệp được lựa chọn căn cứ các hình thức hỗ trợ đầu tư được quy định tại khoản 1, Điều 18 Luật Đầu tư, phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ. Ngành, nghề khuyến khích hỗ trợ thuộc “**ngành, nghề ưu đãi đầu tư, đặc biệt ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp**” theo quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư năm 2020, đảm bảo đồng bộ, thống nhất trong quá trình triển khai chính sách.

- Kịp thời đáp ứng những vấn đề mới nảy sinh, các yếu tố tác động lớn đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn như: Kịp thời đón nhận cơ hội đầu tư các Hiệp định thương mại tự do EVFTA, EVIPA, CPTPP,...

- Kịp thời giải quyết những khó khăn trong sản xuất, chế biến nông, lâm thủy sản; phù hợp với xu hướng thay đổi của thị trường nông sản trong nước và quốc tế theo hướng an toàn, hiệu quả, bền vững.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan tiến hành xây dựng Dự thảo Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn, trong đó có một số hoạt động chủ yếu sau đây:

1. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan gồm lĩnh vực đầu tư, đầu tư công, đất đai, xây dựng, môi trường, thuế, tín dụng...;

2. Tổ chức các cuộc họp, hội thảo lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan; lấy ý kiến trực tiếp của các chuyên gia, các hội, hiệp hội ngành nghề trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

3. Lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về góp ý dự thảo Nghị định (tại văn bản số 2989/BKHĐT-KTNN ngày 20/05/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư);

4. Lấy ý kiến rộng rãi trên Công thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư từ ngày 20/05/2021. Lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Văn bản số 7407/BKHĐT-KTNN ngày 27/10/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và Bộ Tư pháp đã có văn bản thẩm định số 226/BCTĐ-BTP ngày 22/11/2021;

5. Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại các văn bản số văn bản số 2307/VPCP-NN ngày 14/4/2022, số 4495/VPCP-NN ngày 19/7/2022, văn bản số 7571/VPCP-NN ngày 10/11/2022 của Văn phòng Chính phủ để rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định;

6. Căn cứ văn bản số 6503/VPCP-NN ngày 23/8/2023 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang về việc gia hạn thời gian trình dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NQ-CP, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số.... gửi lấy ý kiến đối với các Bộ, ngành và các cơ quan liên quan về dự thảo Nghị định.

Đến nay, dự thảo Nghị định đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, hoàn thiện với các nội dung cụ thể dưới đây.

IV. NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Do nội dung sửa đổi, bổ sung nhiều, nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

Dự thảo Nghị định thay thế gồm 5 Chương, 18 Điều, cụ thể:

1. Nội dung dự thảo Nghị định

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh: giữ nguyên như Nghị định 57/2018/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng: giữ nguyên như Nghị định 57/2018/NĐ-CP.

Điều 3. Giải thích từ ngữ:

Giải thích các thuật ngữ cần được làm rõ trong dự thảo Nghị định gồm:

- + Dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
- + Ngành, nghề nông nghiệp ưu đãi đầu tư;
- + Vùng nông thôn;
- + Nông sản.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện:

Rà soát, chỉnh sửa các nguyên tắc tại Điều 4 Nghị định 57 trước đây thành 09 nguyên tắc phù hợp với nội dung của dự thảo Nghị định.

1. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp một phần chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào dự án hoặc vùng nguyên liệu phục vụ cho dự án.

Chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật được Nhà nước hỗ trợ bao gồm chi phí xây dựng, chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ (bao gồm cả dây chuyền sản xuất) được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng áp dụng đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước quy định tại Nghị định này là mức hỗ trợ tối đa. Mức hỗ trợ cụ thể do cơ quan có thẩm quyền quyết định căn cứ

vào khả năng cân đối của ngân sách nhà nước nhưng không vượt mức hỗ trợ tối đa.

3. Ưu tiên hỗ trợ đầu tư các dự án áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, các dự án ứng dụng công nghệ cao, các dự án sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường, các dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ và các dự án liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

4. Doanh nghiệp có dự án đầu tư đủ điều kiện được hưởng hỗ trợ tại các Điều 5, 6, 7, 8, 10 của Nghị định này thì doanh nghiệp chỉ được chọn một nội dung để hỗ trợ trong số các nội dung quy định tại Điều này.

5. Trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư đáp ứng điều kiện và được hưởng nội dung hỗ trợ tại Nghị định này mà trùng với quy định khác của pháp luật liên quan thì doanh nghiệp chỉ được lựa chọn một nội dung hỗ trợ có lợi nhất.

6. Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ và doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

7. Doanh nghiệp chủ động bố trí vốn và huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định của pháp luật. Nhà nước hỗ trợ sau khi dự án hoàn thành và đi vào hoạt động theo quy định tại Nghị định này.

8. Công trình, hạng mục công trình được ngân sách nhà nước hỗ trợ, hình thành sau đầu tư không là tài sản công và do doanh nghiệp quản lý và sử dụng.

9. Nguồn vốn và thủ tục hỗ trợ đối với tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định riêng của pháp luật.

Chương II: CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Tại Chương này đã rà soát, bãi bỏ các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP tại dự thảo Nghị định chỉ quy định chính sách hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư năm 2020.

Trên cơ sở rà soát 07 hình thức hỗ trợ đầu tư tại quy định tại khoản 1, Điều 18 Luật Đầu tư năm 2020, tại Dự thảo Nghị định quy định 02 hình thức hỗ trợ đầu tư gồm: (i) *Hỗ trợ đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào dự án, vùng nguyên liệu và (ii) Hỗ trợ tín dụng*. Về nội dung hỗ trợ cụ thể cho các dự án của doanh nghiệp là một phần chi phí đầu tư kết cấu hạ tầng gồm: Chi phí xây dựng, chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ theo quy định của pháp luật xây dựng¹; các nội dung hỗ trợ trên được lựa chọn trên

¹ Nghị định 10/2021/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng quy định: “Khoản 2, Điều 5. b) Chi phí xây dựng gồm: chi phí xây dựng các công trình, hạng mục công trình của dự án; công trình, hạng mục công trình xây dựng tạm, phụ trợ phục vụ thi công; chi phí phá dỡ các công trình xây dựng không thuộc phạm vi của công tác phá dỡ giải phóng mặt bằng đã được xác định trong chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

c) Chi phí thiết bị gồm: chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ; chi phí quản lý mua sắm thiết bị (nếu có); chi phí mua bản quyền phần mềm sử dụng cho thiết bị công trình, thiết bị

đảm bảo về sự cần thiết, thuận lợi trong quá trình nghiệm thu, đánh giá hỗ trợ cho doanh nghiệp và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

Đối với các hỗ trợ khác của Nghị định 57 trước đây như hỗ trợ công nghệ thông tin, tư vấn, phát triển nguồn nhân lực, khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị,... hiện đã có trong các Chương trình MTQG; Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021; Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; Luật Thủy sản năm 2017, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản,... do đó, tại dự thảo Nghị định lần này đã được rà soát, loại bỏ để đảm bảo đồng bộ pháp luật, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước và đáp ứng yêu cầu của Bộ Tư pháp theo báo cáo thẩm định số 226/BCTĐ-BTP ngày 22/11/2021 “*đề nghị rà soát để đảm bảo chính sách không trùng lặp, hỗ trợ trọng tâm, trọng điểm; đảm bảo phù hợp với khoản 2 Điều 18 Luật Đầu tư năm 2020 là hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp*”.

Cụ thể nội dung hỗ trợ đầu tư được quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10:

- **Điều 5. Hỗ trợ dự án đầu tư chăn nuôi gia súc:** Là nội dung hỗ trợ tại Điều 12 của Nghị định 57 trước đây. Nay được rà soát và giữ lại nhằm hỗ trợ đối với 02 sản phẩm chủ lực trong ngành chăn nuôi hiện nay (bò, lợn²).

Với mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của dự án nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án.

- **Điều 6. Hỗ trợ dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản:** Là nội dung hỗ trợ tại Điều 13 của Nghị định 57 trước đây, nay được rà soát, giữ lại nhằm hỗ trợ, phát triển lĩnh vực nuôi trồng thủy sản là lĩnh vực còn nhiều dư địa phát triển, có giá trị gia tăng cao³.

Với hỗ trợ tối đa 30% chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của dự án nhưng không quá 15 tỷ đồng/dự án.

- **Điều 7. Hỗ trợ dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm:**

Là nội dung hỗ trợ được quy định tại Điều 11 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, nay được rà soát, giữ lại hỗ trợ nhằm khuyến khích, nâng cao vấn đề bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Hiện trạng số lượng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung của Việt Nam còn hạn chế, chủ yếu là các cơ sở nhỏ lẻ, chưa đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm, do đó cần thiết hỗ trợ đầu

công nghệ (nếu có); chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ (nếu có); chi phí gia công, chế tạo thiết bị cần gia công, chế tạo (nếu có); chi phí lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh,...

² Là 02 sản phẩm chính trong thực đơn của người Việt, với đàn bò khoảng trên 6,6 triệu con trên năm, đàn lợn trên 30 triệu con năm, tốc độ tăng trưởng khá.

³ Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu thủy sản cán đích ở con số kỷ lục với gần 11 tỷ USD, tăng 23,8% so với cùng kỳ năm 2021 (8,89 tỷ USD), tăng 22,2% so với kế hoạch. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu tôm nước lợ đạt khoảng 4,1-4,2 tỷ USD, tăng khoảng 13% so với năm 2021; cá tra đạt 2,35 tỷ USD (tăng 70% so với năm 2021); diện tích nuôi trồng thủy sản.

tư phát triển nhằm mục tiêu nâng cao vệ sinh an toàn thực phẩm, sức khỏe người Việt.

Với mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của dự án nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án.

- Điều 8. Hỗ trợ dự án đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản nông sản: Nội dung này trước đây được quy định tại Điều 11 của Nghị định 57; Đây là khâu yếu, còn thiếu trong sản xuất nông nghiệp hiện nay; cần thiết được hỗ trợ, phát triển chế biến nông sản nhằm gắn kết thị trường và sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển nông nghiệp hiệu quả cao.

Với mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật nhưng không quá 15 tỷ đồng/dự án.

- Điều 9. Hỗ trợ hình thành vùng nguyên liệu: Nội dung này trước đây được quy định tại Điều 7 của Nghị định 57, nay được rà soát, quy định hỗ trợ nhằm hướng tới sản xuất nông nghiệp hàng hóa, gắn kết giữa doanh nghiệp và nông dân.

Với mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/ha đối với chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng trong vùng nguyên liệu nhưng không quá 15 tỷ đồng/dự án và doanh nghiệp không phải chuyển sang thuê đất đối với diện tích đất nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân.

- Điều 10. Hỗ trợ tín dụng: Nội dung này trước đây quy định tại Điều 8 của Nghị định 57; nay được rà soát, quy định nhằm hướng đến trường hợp doanh nghiệp vay vốn ngân hàng thương mại để thực hiện dự án đầu tư thuộc 21 ngành/ngành nông nghiệp, nông thôn theo Luật Đầu tư 2020.

Quy định này trước đây giao các địa phương hướng dẫn và sử dụng nguồn ngân sách địa phương để thực hiện. Tuy nhiên, tại dự thảo lần này quy định cụ thể cách thực hiện nhằm nâng cao tính pháp lý; ngoài ra, để tạo điều kiện cho các địa phương linh hoạt, chủ động tại dự thảo cũng cho phép các địa phương được sử dụng ngân sách trung ương để thực hiện hỗ trợ cho doanh nghiệp thông qua lãi suất.

Mức hỗ trợ bằng tiền tối đa tương đương 4%/năm lãi suất vay vốn cho các khoản vay đã trả lãi cho ngân hàng thương mại, trường hợp doanh nghiệp đã trả lãi cho các năm trước đó thì khoản hỗ trợ lãi suất vay bằng tổng các năm đã trả lãi; thời hạn hỗ trợ tối đa 05 năm. Mức vốn hỗ trợ cho mỗi dự án tối đa là 25 tỷ đồng.

Chương III. NGUỒN VỐN VÀ CƠ CHẾ HỖ TRỢ

Đây là Chương quy định về nguồn vốn, cơ chế, các trình tự, thủ tục mà doanh nghiệp và các cơ quan liên quan sẽ thực hiện thẩm tra, nghiệm thu và thanh toán vốn hỗ trợ. Các thủ tục hành chính trước kia được quy định tại Nghị định 57 và Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nay đã được rà soát, chỉnh sửa quy định hoàn toàn tại Dự thảo Nghị định đảm bảo công khai, minh bạch.

Về nguồn vốn quy định sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển để hỗ trợ doanh nghiệp và tiếp tục phân cấp mạnh mẽ cho các địa phương chủ động sử dụng nguồn vốn được giao để hỗ trợ doanh nghiệp. Thủ tướng Chính phủ chỉ giao tổng số vốn cho các địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, còn lại toàn bộ quá trình khác như lập danh mục, phân bổ chi tiết vốn, thẩm tra, nghiệm thu và thanh toán vốn hỗ trợ giao cho địa phương thực hiện, cụ thể:

Điều 11. Nguồn vốn và quy trình thực hiện hỗ trợ:

Rà soát chỉnh sửa Điều 14 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP phù hợp với Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước. Trong đó, bỏ quy định “dành tối thiểu khoảng 5% vốn chi ngân sách hàng năm cho ngành nông nghiệp, nông thôn” trước đây, do không khả thi và theo ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp nên bỏ quy định này.

Do đặc thù của việc hỗ trợ dự án của doanh nghiệp khác với dự án đầu tư công, số vốn hỗ trợ cho từng dự án phải căn cứ vào kết quả nghiệm thu sau khi dự án hoàn thành các địa phương mới ban hành quyết định hỗ trợ. Vì vậy, tại Điều này quy định Thủ tướng Chính phủ giao tổng số vốn trung hạn; hàng năm các địa phương tổng hợp và giao vốn chính xác cho các dự án đã được nghiệm thu hoàn thành và đã có quyết định phê duyệt hỗ trợ; các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư công năm 2020.

Điều 12. Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ đầu tư:

Rà soát, chỉnh sửa nội dung thẩm tra đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp tại khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, trong đó quy định rõ hồ sơ trình tự, thủ tục nộp khi doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận và trả kết quả thẩm tra đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp.

Điều 13: Trình tự, thủ tục Quyết định hỗ trợ đầu tư:

Rà soát, chỉnh sửa khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, trong đó quy định: Sau khi Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan nghiệm thu hoàn thành dự án, xác định chính xác số vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp sẽ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ doanh nghiệp.

Điều 14. Thanh toán vốn hỗ trợ:

Rà soát, chỉnh sửa khoản 3 Điều 17 Nghị định 57/2018/NĐ-CP và Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Để đảm bảo tính chính xác đối với nghiệm thu và giải ngân vốn hỗ trợ, dự thảo Nghị định quy định nội dung doanh nghiệp lựa chọn cơ quan kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán các hạng mục đầu tư dự kiến được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Trên cơ sở kết quả kiểm toán độc lập và hồ sơ nghiệm thu, Hội đồng nghiệm thu mới tổ chức nghiệm thu, xác nhận khoản vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp và tiến hành lập Biên bản nghiệm thu. Sau đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quyết định hỗ trợ doanh nghiệp.

Điều chỉnh quy định việc doanh nghiệp trực tiếp gửi hồ sơ thanh toán tới cơ quan Kho bạc nhà nước trước đây thành doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị thanh toán tới Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát và gửi tới cơ quan Kho bạc Nhà nước để thanh toán khoản vốn hỗ trợ. Quy định này đồng bộ với quy định thanh toán vốn đầu tư công hiện nay, đảm bảo có 01 cơ quan quản lý nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc nhà nước.

Chương V: TÔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các Bộ:

Rà soát, quy định trách nhiệm của các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Nội dung dự thảo Nghị định đã quy định đầy đủ, chi tiết về đối tượng, nội dung hỗ trợ; trình tự, thủ tục lập kế hoạch; thẩm định, nghiệm thu và thanh toán vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp và phân cấp mạnh cho các địa phương thực hiện khi Nghị định ban hành. Sau khi Nghị định ban hành các địa phương có thể thực hiện được ngay và không cần các Bộ có thông tư hướng dẫn chi tiết. Do đó, nhiệm vụ của các Bộ chỉ gồm hướng dẫn, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định.

Ngoài ra, giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư thêm nhiệm vụ về trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hỗ trợ đầu tư cho đối tượng chính sách (doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn) tại Nghị định để đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 6, Điều 5 Luật Đầu tư công.

Điều 16. Trách nhiệm của địa phương:

Rà soát, chỉnh sửa các nhiệm vụ của địa phương phù hợp với nhiệm vụ cụ thể tại Nghị định như:

- Chỉ đạo các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định, nghiệm thu, quyết định, thanh toán vốn hỗ trợ và giám sát thực hiện dự án được hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này.

- Rà soát, điều chỉnh cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tại địa phương đã ban hành phù hợp với Nghị định này để ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách tại Nghị định này nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

- Chỉ đạo xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị định này gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 7 hằng năm theo mẫu báo cáo tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 17. Nghĩa vụ của doanh nghiệp:

Quy định rõ các nghĩa vụ của doanh nghiệp như cam kết về tính chính xác, phù hợp của các tài liệu, số liệu; thuê tổ chức, cá nhân kiểm toán độc lập; Thực hiện quyết toán hoàn thành; Tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động của các dự án

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành:

Rà soát, xây dựng điều khoản chuyên tiếp phù hợp, trong đó quy định các trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư thực hiện sau khi Nghị định số 57/2018/NĐ-CP có hiệu lực mà chưa được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP đáp ứng điều kiện hỗ trợ tại Nghị định mới thì được hưởng hỗ trợ theo Nghị định mới.

Đối với doanh nghiệp đã được cơ quan nhà nước cam kết hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2. Về tên dự thảo Nghị định:

“Nghị định về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn”. Bỏ từ “cơ chế” tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP, do tại Nghị định chỉ quy định về hình thức hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Điều 18 của Luật Đầu tư, không quy định các cơ chế ưu đãi đầu tư hay các cơ chế khác.

3. Về Phụ lục của Nghị định:

Bãi bỏ Phụ lục 1 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP do ngành, nghề trong nông nghiệp được Nhà nước ưu đãi, hỗ trợ đầu tư được quy định theo pháp luật đầu tư và được giải thích tại khoản 1, Điều 3 của dự thảo Nghị định.

Về mẫu văn bản sử dụng trong hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được rà soát, chỉnh sửa trên cơ sở các văn bản được đưa vào dự thảo Nghị định và lập thành 01 Phụ lục kèm theo Nghị định.

V. VỀ QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

- Khoản 6 Điều 5 Luật Đầu tư công quy định: *“Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng quy định tại khoản này.”*

- Khoản 1, Điều 43 Nghị định 40/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư công quy định: *“Căn cứ nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, bộ, cơ quan trung ương, địa phương tổ chức lập, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định chính sách, bao gồm cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công cho các đối tượng thuộc chính sách”*.

Như vậy, sau khi Nghị định ban hành cần ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý về việc sử dụng vốn đầu tư công hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ kèm theo Tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt sau khi Nghị định được ban hành.

Do các trình tự, thủ tục, nội dung hỗ trợ doanh nghiệp đã được quy định đầy đủ tại Nghị định nên nội dung dự thảo Quyết định đơn giản, ngắn gọn và dẫn chiếu thực thi theo các quy định tại Nghị định. Việc ban hành Quyết định

chỉ nhằm đảm bảo đầy đủ pháp lý, thủ tục tại khoản 6, Điều 5 của Luật Đầu tư công. Nội dung chủ yếu của Quyết định gồm 02 khoản sau:

1. Về cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công cho đối tượng doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn:

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày .../.../2023 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2. Hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo quy định tại Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày .../.../2023 thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định tại khoản 6, Điều 5 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

VI. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN VÀ DỰ KIẾN TÁC ĐỘNG

1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước

Nguồn vốn thực hiện Nghị định phụ thuộc vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước theo từng thời kỳ và hằng năm; năng lực của các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tại khu vực nông thôn.

Các địa phương sẽ rà soát, cân đối vốn hỗ trợ các dự án theo nhu cầu đầu tư tại địa phương trên cơ sở tổng số vốn ngân sách trung ương được giao trong từng giai đoạn theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có thể xem xét, cân đối bố trí nguồn vốn từ ngân sách Trung ương để thực hiện Nghị định tùy thuộc vào khả năng cân đối ngân sách từng thời kỳ và yêu cầu về thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trong quá trình điều hành kinh tế xã hội.

2. Dự kiến tác động của Nghị định

a) Hiệu quả kinh tế

Việc hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn phụ thuộc vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước. Do đó, để đánh giá hiệu quả kinh tế của chính sách thực hiện trên lựa chọn mẫu là **1.000 tỷ đồng/năm** từ ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp, dự kiến thu được kết quả sau:

- Giai đoạn 2016 - 2020, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là 6% tổng mức đầu tư dự án. Giai đoạn 2021 - 2025 đăng ký nhu cầu đầu tư thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của các địa phương với tổng mức đầu tư của các dự án khoảng 107.000 tỷ đồng, đề nghị hỗ trợ từ ngân sách trung ương 8.600 tỷ đồng (khoảng 8%). Nếu dự kiến mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước giai đoạn tới theo quy định tại Dự thảo Nghị định khoảng 15% tổng mức đầu tư các dự án, nếu ngân sách nhà nước bố trí khoảng 1.000 tỷ đồng, thì sẽ thu hút được khoảng 8.000- 9.000 tỷ đồng từ các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Giả thiết với ngân sách nhà nước hỗ trợ 01 năm để thực hiện chính sách là 1.000 tỷ đồng thì tổng mức đầu tư các dự án sẽ là 10.000 tỷ đồng; với mỗi

một dự án hình thành tương ứng với một doanh nghiệp với mức vốn khoảng 100 tỷ đồng thì sẽ có khoảng 100 doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp có quy mô nhỏ hình thành/năm (mỗi doanh nghiệp có khoảng 100 lao động trực tiếp)⁴ sẽ tạo ra 10.000 việc làm trực tiếp và khoảng 30.000 lao động gián tiếp.

- Gia tăng khả năng ứng dụng khoa học, công nghệ mới, khoa học quản lý vào sản xuất nông nghiệp.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ ổn định sản phẩm nông nghiệp trong vùng dự án trên địa bàn.

- Tăng hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước cho nông nghiệp, nông thôn góp phần đẩy nhanh hơn cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

b) Hiệu quả xã hội

- Hình thành các cơ sở chế biến nông sản vùng nông thôn, tạo việc làm, thu nhập cho lao động nông thôn, hướng tới phát triển nông thôn bền vững. Đặc biệt, trong bối cảnh kinh tế nông thôn còn phát triển chưa bền vững, nếu hình thành được các cơ sở chế biến nông sản sẽ góp phần giải bài toán “ly nông, ly hương” như hiện nay; giảm áp lực dân số, áp lực hạ tầng đang quá tải tại các đô thị lớn.

- Góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững (theo khảo sát nếu 01 hộ gia đình có 01 lao động tại doanh nghiệp, với lương khoảng 5- 7 triệu đồng/tháng thì cơ bản hộ thoát nghèo).

c) Về môi trường

- Các cơ sở chăn nuôi, chế biến nông sản, giết mổ gia súc gia cầm,... được hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước sẽ cải thiện công nghệ, xử lý chất thải sẽ góp phần bảo vệ môi trường nông thôn hướng tới phát triển bền vững.

- Các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của doanh nghiệp khi nhận được ưu đãi, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước sẽ được tăng cường công tác giám sát đầu tư đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Khi Nghị định được ban hành cơ bản tác động tiêu cực tới môi trường rất ít; chủ yếu là các động tích cực, hướng tới các hoạt động bảo vệ môi trường.

3. Đánh giá về các thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định rà soát, điều chỉnh 03 Thủ tục hành chính đã được quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP trước kia, gồm: (1) Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; (2) Nghiệm thu dự án/hạng mục đầu tư; (3) Thanh toán khoản vốn hỗ trợ.

Như vậy, Nghị định không phát sinh thủ tục hành chính mới. 03 Thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định đã được rà soát, hoàn thiện trên theo phương

⁴ Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 20 tỷ đồng (theo Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa).

án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được phê duyệt tại Quyết định số 1505/QĐ-TTg ngày 01/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1089/QĐ-BKHĐT ngày 11/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, tại Điều 4 của Nghị định đã bổ sung nguyên tắc “*Trường hợp nhiều doanh nghiệp cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Nghị định này thì ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ và sử dụng nhiều lao động nữ hơn*”, nhằm đảm bảo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

VII. VỀ CÂN ĐỐI VỐN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH

- Tại Điều 11 đã quy định sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Nghị định. Khi Nghị định ban hành sẽ là cơ sở để các địa phương rà soát, đánh giá nhu cầu và xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

Đối với các năm 2023, 2024, 2025 có thể huy động từ các nguồn vốn:

+ Nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM đã được giao cho các địa phương: Chương trình này đã quy định có nội dung hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tại điểm 05, khoản 3, mục III Quyết định 263/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22/02/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM.

+ Các địa phương chủ động sử dụng ngân sách địa phương (vượt thu, kết dư, điều hòa) trong quá trình điều hành kinh tế xã hội để thực hiện.

+ Đối với nguồn vốn ngân sách trung ương được xác định là “nguồn vốn môi”, thể hiện cam kết của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong triển khai cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, có thể thực hiện trên cơ sở:

(i) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 để bố trí thực hiện Nghị định theo đề xuất của các địa phương;

(ii) Bổ sung từ các nguồn vốn hợp pháp khác khi có điều kiện về nguồn vốn (vượt thu, kết dư,...).

VIII. KIẾN NGHỊ

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định:

1. Ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2. Sau Nghị định thay thế Nghị định 57/2018/NĐ-CP được ban hành, ký ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Tài liệu kèm theo:

- Dự thảo Nghị định về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Văn bản góp ý của các Bộ, ngành;
- Tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tài liệu có liên quan khác.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang (để báo cáo);
- VPCP (để tổng hợp);
- Các Bộ: TP, NN&PTNT, TC;
- Thứ trưởng: Trần Duy Đông, Đỗ Thành Trung;
- Các đơn vị thuộc Bộ: PC, THKTQD, PTDN, KTĐP<, TCTT;
- Lưu: VT, KTNN.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Dự thảo 8/2023

NGHỊ ĐỊNH

về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Căn cứ Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
Chính phủ ban hành Nghị định về chính sách khuyến khích doanh nghiệp
đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định một số chính sách, hình thức hỗ trợ đầu tư của Nhà nước; trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 3 Nghị định này. Các dự án đã được Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức, thực hiện Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn là dự án thuộc ngành, nghề nông nghiệp ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện tại vùng nông thôn.

2. Ngành, nghề nông nghiệp ưu đãi đầu tư tại Nghị định này là ngành, nghề quy định tại mục A.II, B.II và khoản 3, 4 mục B.IV của Phụ lục II Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

3. Vùng nông thôn là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn phường thuộc thị xã, quận và thành phố.

4. Nông sản là sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và muối được quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam.

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp một phần chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào dự án hoặc vùng nguyên liệu phục vụ cho dự án. Chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật được Nhà nước hỗ trợ bao gồm chi phí xây dựng, chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ (bao gồm cả dây chuyền sản xuất) được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng áp dụng đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước quy định tại Nghị định này là mức hỗ trợ tối đa. Mức hỗ trợ cụ thể do cơ quan có thẩm quyền quyết định căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách nhà nước nhưng không vượt mức hỗ trợ tối đa.

3. Ưu tiên hỗ trợ đầu tư các dự án áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, các dự án ứng dụng công nghệ cao, các dự án sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường, các dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ và các dự án liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

4. Doanh nghiệp có dự án đầu tư đáp ứng đủ điều kiện được hưởng hỗ trợ tại các Điều 5, 6, 7, 8, 10 của Nghị định này thì doanh nghiệp chỉ được lựa chọn một nội dung hỗ trợ trong số các nội dung quy định tại các Điều này.

5. Trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư đáp ứng điều kiện và được hưởng nội dung hỗ trợ tại Nghị định này mà trùng với quy định khác của pháp luật liên quan thì doanh nghiệp chỉ được lựa chọn một nội dung hỗ trợ có lợi nhất.

6. Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ và doanh

ng nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

7. Doanh nghiệp chủ động bố trí vốn và huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định của pháp luật. Nhà nước hỗ trợ sau khi dự án hoàn thành và đi vào hoạt động theo quy định tại Nghị định này.

8. Công trình, hạng mục công trình được ngân sách nhà nước hỗ trợ hình thành sau đầu tư không là tài sản công và do doanh nghiệp quản lý và sử dụng.

9. Nguồn vốn và thủ tục hỗ trợ đối với tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định riêng của pháp luật.

Chương II

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Điều 5. Hỗ trợ dự án đầu tư chăn nuôi gia súc

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có dự án chăn nuôi gia súc (bò, lợn) để làm giống, lấy sữa hoặc lấy thịt tại vùng nông thôn;

b) Dự án có quy mô chăn nuôi hàng năm đáp ứng một trong các điều kiện theo thiết kế tối thiểu: 100 con bò thịt; hoặc 30 con bò sữa, bò giống; hoặc 500 con lợn thịt; hoặc 100 con lợn giống. Trường hợp chăn nuôi kết hợp hai loại trở lên, quy mô tối thiểu mỗi loại bằng 50% quy mô nêu trên.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 30% chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của dự án nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án.

Điều 6. Hỗ trợ dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có dự án nuôi trồng thủy sản tại vùng nông thôn;

b) Quy mô diện tích nuôi trồng thủy sản tối thiểu từ 05 ha trở lên.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 30% chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của dự án nhưng không quá 15 tỷ đồng/dự án.

Điều 7. Hỗ trợ dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc hoặc gia cầm tập trung tại vùng nông thôn;

b) Công suất giết mổ một ngày/đêm của dự án theo thiết kế phải đạt tối thiểu 200 con gia súc; hoặc 2.000 con gia cầm. Trường hợp kết hợp hai loại,

quy mô tối thiểu mỗi loại bằng 50% quy mô nêu trên.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 30% chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án.

Điều 8. Hỗ trợ dự án đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản nông sản

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp có dự án đầu tư tại vùng nông thôn đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Có dự án đầu tư cơ sở chế biến nông sản, có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B trở lên theo quy định của pháp luật đầu tư công;

b) Có dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản (gồm: Sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học) có công suất thiết kế tối thiểu 100 tấn/ngày.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 30% chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật nhưng không quá 15 tỷ đồng/dự án.

Điều 9. Hỗ trợ hình thành vùng nguyên liệu

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

b) Doanh nghiệp có quyền sử dụng đất hoặc nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật để hình thành vùng nguyên liệu phục vụ cho dự án tại điểm a khoản này.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/ha đối với chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng trong vùng nguyên liệu nhưng không quá 15 tỷ đồng/dự án.

Điều 10. Hỗ trợ tín dụng

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp được ngân hàng thương mại cho vay để thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

b) Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ đối với các khoản vay đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của dự án.

2. Doanh nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ bằng tiền tối đa tương đương 4%/năm lãi suất vay vốn cho các khoản vay đã trả lãi cho ngân hàng thương mại; thời gian hỗ trợ tối đa 05 năm;

b) Mức vốn hỗ trợ cho mỗi dự án tối đa là 25 tỷ đồng;

c) Chỉ hỗ trợ đối với các khoản vay không bị quá hạn (gốc và lãi).

Chương III

NGUỒN VỐN VÀ CƠ CHẾ HỖ TRỢ

Điều 11. Nguồn vốn và quy trình thực hiện hỗ trợ

1. Nguồn vốn thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp là nguồn vốn đầu tư công, được bố trí theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

2. Dự án được hỗ trợ từ ngân sách trung ương có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B trở lên theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Địa phương được huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này.

4. Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và giao vốn hỗ trợ được thực hiện như sau:

a) Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và giao vốn đầu tư công hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Thủ tướng Chính phủ giao tổng mức vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương cho các địa phương đối với nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp và trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tổng mức vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương đối với nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

d) Căn cứ các dự án đã được quyết định hỗ trợ đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước, bao gồm danh mục và mức vốn đối với nhiệm vụ hỗ trợ từng dự án của doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Chương IV

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 12. Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ đầu tư

1. Căn cứ nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp nộp hồ sơ đề xuất hỗ trợ tới Sở Kế hoạch và Đầu tư, nơi thực hiện dự án.

2. Hồ sơ đề xuất hỗ trợ đầu tư:

a) Văn bản đề xuất hỗ trợ đầu tư theo mẫu Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

c) Giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với đề xuất hỗ trợ hình thành vùng nguyên liệu tại Điều 9 Nghị định này;

d) Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại đối với đề xuất hỗ trợ tín dụng quy định tại Điều 10 Nghị định này.

3. Thẩm tra đề xuất hỗ trợ của doanh nghiệp:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề xuất hỗ trợ của doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo cho doanh nghiệp để bổ sung;

b) Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan khác thẩm tra; trường hợp hồ sơ đáp ứng các điều kiện hỗ trợ theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thẩm tra theo mẫu tại Phụ lục kèm theo Nghị định này gửi doanh nghiệp;

c) Trường hợp không đáp ứng điều kiện hỗ trợ, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi doanh nghiệp, nêu rõ lý do.

4. Phương thức nộp hồ sơ:

a) Doanh nghiệp nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử; Văn bản, giấy tờ là bản chính hoặc bản sao chứng thực;

b) Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử, việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

5. Kết quả thẩm tra đề xuất hỗ trợ của các doanh nghiệp đáp ứng quy định tại điểm b khoản 3 Điều này là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định này.

Điều 13. Trình tự, thủ tục Quyết định hỗ trợ

1. Sau khi hoàn thành dự án, doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị nghiệm thu hỗ trợ gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Hồ sơ nghiệm thu bao gồm:

a) Văn bản đề nghị nghiệm thu theo mẫu tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo kiểm toán độc lập đối với chi phí xây dựng, chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ của các hạng mục dự kiến được hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này;

c) Bản vẽ hoàn công và hồ sơ quyết toán các hạng mục đầu tư của dự án dự kiến được hỗ trợ;

d) Giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp hỗ trợ theo Điều 9 của Nghị định này;

đ) Hợp đồng tín dụng, bảng kê dư nợ vay, lãi vay phải trả và chứng từ hoặc các giấy tờ tương đương có xác nhận của ngân hàng thương mại cho doanh nghiệp vay vốn về khoản nợ, khoản vay đã trả đối với trường hợp hỗ trợ theo Điều 10 của Nghị định này.

3. Tổ chức nghiệm thu:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ nghiệm thu của doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo cho doanh nghiệp để bổ sung;

b) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành lập Hội đồng nghiệm thu gồm đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và đại diện các sở, ngành, địa phương có liên quan;

c) Nội dung nghiệm thu: Mức độ hoàn thành công trình, hạng mục công trình được hỗ trợ, tình trạng hoạt động của dự án, việc đáp ứng điều kiện hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này;

d) Hội đồng nghiệm thu tổ chức kiểm tra thực địa dự án để nghiệm thu trong trường hợp cần thiết. Hội đồng nghiệm thu lập Biên bản nghiệm thu theo mẫu tại Phụ lục kèm theo Nghị định này trong thời gian không quá 20 ngày kể từ khi có Quyết định thành lập Hội đồng.

4. Phương thức nộp hồ sơ:

a) Doanh nghiệp nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử; Văn bản, giấy tờ là bản chính hoặc bản sao chứng thực;

b) Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử, việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

5. Quyết định hỗ trợ đầu tư:

Sau khi có Biên bản nghiệm thu của Hội đồng, trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp.

Điều 14. Thanh toán hỗ trợ

1. Căn cứ quyết định giao kế hoạch đầu tư công hằng năm và quyết định hỗ trợ đầu tư, doanh nghiệp nộp văn bản đề nghị thanh toán hỗ trợ tại Sở Kế hoạch Đầu tư hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử để được giải ngân khoản vốn hỗ trợ.

2. Sở Kế hoạch Đầu tư thực hiện thủ tục đăng ký sử dụng tài khoản theo quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước để thực hiện thanh toán hỗ trợ cho doanh nghiệp.

Trên cơ sở đề nghị thanh toán hỗ trợ của doanh nghiệp, Sở Kế hoạch Đầu tư cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp rà soát và lập Hồ sơ giải

ngân gửi tới Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Hồ sơ giải ngân gồm: Kế hoạch đầu tư công hằng năm được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao; Văn bản đề nghị thanh toán hỗ trợ; Quyết định hỗ trợ đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Chứng từ chuyển tiền theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ;

3. Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm giải ngân khoản hỗ trợ cho doanh nghiệp trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Quyết toán nguồn vốn: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện quyết toán phần vốn hỗ trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các bộ

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tại Nghị định này theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Luật Đầu tư công;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan hướng dẫn, giám sát và đánh giá tình hình thực hiện Nghị định này;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách tại Nghị định này nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, giám sát và đánh giá tình hình thực hiện Nghị định này.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn, giám sát và đánh giá tình hình thực hiện Nghị định này.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Chỉ đạo các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định, nghiệm thu, quyết định, thanh toán vốn hỗ trợ và giám sát thực hiện dự án được hỗ trợ theo quy

định tại Nghị định này.

2. Rà soát, điều chỉnh cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tại địa phương đã ban hành phù hợp với Nghị định này để ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách tại Nghị định này nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

4. Chỉ đạo xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị định này gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 7 hằng năm theo mẫu báo cáo tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 17. Nghĩa vụ của doanh nghiệp

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, phù hợp của các tài liệu, số liệu của đề xuất hỗ trợ đầu tư, nghiệm thu và thanh toán, thực hiện các cam kết khi nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

Trường hợp không thực hiện đúng các quy định nêu trên chịu trách nhiệm hoàn trả về ngân sách nhà nước khoản kinh phí đã được hỗ trợ.

2. Lựa chọn tổ chức, cá nhân kiểm toán độc lập để kiểm toán hồ sơ quyết toán chi phí xây dựng, chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ của công trình, hạng mục được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định này.

3. Tổ chức, triển khai dự án đảm bảo chất lượng, hiệu quả đầu tư dự án theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động của các dự án được hỗ trợ đầu tư khi có yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2023.

Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

2. Dự án của doanh nghiệp đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 thì tiếp tục được ưu đãi, hỗ trợ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không áp dụng hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này.

3. Doanh nghiệp có dự án được Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sau ngày Nghị định số 57/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành mà chưa được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP thì được hưởng hỗ trợ nếu đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này.

4. Các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị định này khi có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì được áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2).VH

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

Phụ lục
CÁC MẪU VĂN BẢN SỬ DỤNG TRONG THỰC HIỆN HỖ TRỢ
DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN
(Kèm theo Nghị định số /2023/NĐ-CP
ngày tháng năm 2023 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Văn bản đề nghị hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
Mẫu số 02	Văn bản thẩm định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
Mẫu số 03	Văn bản đề nghị nghiệm thu hoàn thành
Mẫu số 04	Biên bản nghiệm thu
Mẫu số 05	Quyết định hỗ trợ đầu tư
Mẫu số 06	Văn bản đề nghị thanh toán hỗ trợ
Mẫu số 07	Biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

TÊN DOANH NGHIỆP... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP
 ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN**

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.....

Doanh nghiệp: (Tên doanh nghiệp)..... ;

Loại hình doanh nghiệp: (theo Luật Doanh nghiệp)

Ngành nghề kinh doanh:..... ;

Trụ sở chính:..... ;

Điện thoại: Fax

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh.

Quyết định chủ trương đầu tư dự án/Giấy chứng nhận đầu tư dự án.

Căn cứ Nghị định số/2023/NĐ-CP ngày .../.../2023 về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Căn cứ khác;

I. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ DỰ ÁN VỚI NỘI DUNG SAU:

1. Tên Dự án:

2. Lĩnh vực đầu tư:

3. Địa điểm thực hiện dự án:.....

4. Mục tiêu và quy mô:

5. Tổng vốn đầu tư:

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng:

7. Số lao động sử dụng bình quân trong năm:

8. Tiến độ thực hiện dự kiến:

9. Nội dung khác:.....

II. KIẾN NGHỊ HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ:

1. Căn cứ hỗ trợ:

2. Sự phù hợp với các điều kiện hỗ trợ:

3. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

TT	Nội dung	Số tiền	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
1	Hạng mục đầu tư...			
2	Hạng mục đầu tư...			
3				

III. CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN KIẾN NGHỊ HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ:

.....

IV. DOANH NGHIỆP CAM KẾT:

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Thực hiện dự án đáp ứng các điều kiện hỗ trợ của Nghị định số .../2023/NĐ-CP về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

3. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam trong quá trình tổ chức, thực hiện dự án.

4. Cam kết đưa dự án vào hoạt động tối thiểu 03 năm kể từ ngày được quyết định hỗ trợ đầu tư.

5. Nội dung khác (nếu có).

Nơi nhận:

-
-

....., ngày ... tháng ... năm ...
CHỨC DANH NGƯỜI ĐẠI DIỆN
DOANH NGHIỆP
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:....

Mẫu số 02

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng ... năm

VĂN BẢN THẨM ĐỊNH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số.../2023/NĐ-CP về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ,.....;

Căn cứ đề nghị hỗ trợ đầu tư số... ngày... tháng... năm..... của doanh nghiệpđề nghị hỗ trợ đầu tư để thực hiện dự án (Tên dự án) và hồ sơ dự án kèm theo;

Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp để thực hiện Dự án.....theo quy định tại Nghị định .../2023/NĐ-CP như sau:

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

1. Văn bản đề nghị hỗ trợ đầu tư số
2. Đề xuất dự án đầu tư
3. Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:
4. Biên bản kiểm tra thực tế (nếu có):
5. Ý kiến của các cơ quan liên quan:
6. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

II. THÔNG TIN DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Lĩnh vực đầu tư:
3. Mục tiêu và quy mô dự án: (Mục tiêu sản phẩm đầu ra của dự án, số lượng lao động dự kiến, các hạng mục đầu tư và diện tích đất sử dụng,.....).
4. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:.....
5. Cấp quyết định đầu tư dự án:.....
6. Địa điểm thực hiện dự án:
7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: (Trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn vốn doanh nghiệp huy động).

8. Dự kiến mức vốn đề nghị Nhà nước hỗ trợ:

9. Thời gian thực hiện:

10. Các thông tin khác (nếu có):

III. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Tổng hợp ý kiến của các cơ quan phối hợp

1.....

2.....

3.....

.....

IV. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ THẨM ĐỊNH

1. Hỗ trợ đầu tư:

- Điều kiện đáp ứng:

- Mức hỗ trợ (cụ thể cho các hạng mục đầu tư):

- Thời gian hỗ trợ dự kiến.....

2. Ý kiến khác:

V. KẾT LUẬN

Trên đây là ý kiến thẩm định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp để thực hiện Dự án.....

Đề nghị doanh nghiệp..... triển khai thực hiện dự án đáp ứng các mục tiêu, quy mô đề xuất và phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục nghiệm thu, thanh toán vốn hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số .../2023/NĐ-CP.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Cơ quan tham gia ý kiến thẩm định;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Doanh nghiệp.....;
- Lưu:

SỞ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đề nghị nghiệm thu hoàn thành.

..., ngày tháng năm

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Doanh nghiệp:

Trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản số tại

- Dự án....., của chúng tôi được thẩm định hỗ trợ đầu tư tại văn bản

Đến thời điểm (ngày/tháng/năm), Dự án đã được triển khai thực hiện, nay đề nghị nghiệm thu hoàn thành dự án/hạng mục để hỗ trợ các nội dung sau:

TT	Hạng mục đầu tư đã được thẩm định hỗ trợ đầu tư	Mức vốn đã được thẩm định hỗ trợ (tại văn bản thẩm định hỗ trợ đầu tư)	Mức vốn đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
1				
2				
3				

- Nội dung khác (nếu có).

- Hồ sơ kèm theo gồm:

- Doanh nghiệp chúng tôi cam kết tính chính xác và chịu trách nhiệm về những thông tin trên đây.

Nơi nhận:

.....

CHỨC DANH NGƯỜI ĐẠI DIỆN
DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 04

HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HỖ TRỢ

.....

1. Dự án:.....
2. Địa điểm xây dựng:
3. Thành phần tham gia nghiệm thu:.....
 - a) Phía Hội đồng nghiệm thu (Ghi rõ họ tên, chức vụ, cơ quan và số văn bản cử tham gia làm đại diện)
 - b) Phía doanh nghiệp: (Tên doanh nghiệp)
 Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách đầu tư dự án, hạng mục đầu tư:.....
 - c) Nhà thầu thực hiện:
 Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu và cán bộ phụ trách thi công dự án, hạng mục đầu tư:
4. Thời gian tiến hành nghiệm thu:
 Bắt đầu: ngày tháng năm ...
 Kết thúc: ngày tháng năm ...
 Tại:.....
5. Đánh giá dự án, hạng mục đầu tư:
 - a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

 - b) Mức hỗ trợ cho dự án (đối chiếu mức vốn hỗ trợ đã được thẩm định hỗ trợ đầu tư; đơn giá, định mức theo pháp luật xây dựng):.....
 - c) Điều kiện đáp ứng hỗ trợ theo quy định của Nghị định số.../2023/NĐ-CP của Chính phủ:.....

d) Về quy mô, chất lượng hạng mục đầu tư được hỗ trợ (theo thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật):.....

đ) Các ý kiến khác:.....

6. Kết luận:

- Chấp nhận nghiệm thu hỗ trợ đối với dự án.....của doanh nghiệp..... đáp ứng yêu cầu và được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

- Mức hỗ trợ cụ thể:

TT	Hạng mục đầu tư	Mức hỗ trợ đã được thẩm định	Mức độ hoàn thành	Đồng ý nghiệm thu hỗ trợ mức	Ghi chú
1					
2					

- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có).

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh (để báo cáo);
- Kho bạc Nhà nước;
- Doanh nghiệp nhận hỗ trợ;
- Thành viên Hội đồng nghiệm thu;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu: ...

HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU

(Thành viên Hội đồng ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu cơ quan chủ trì nghiệm thu)

DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

Mẫu số 05

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH**Hỗ trợ đầu tư đối với dự án..... của doanh nghiệp..... theo Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN***Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 19 tháng 6 năm 2019;**Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Nghị định số/2023/NĐ-CP về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;**Căn cứ đề nghị hỗ trợ tại văn bản số....ngày....tháng....năm....của doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ đầu tư dự án.....;**Căn cứ văn bản thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn hỗ trợ số.....;**Căn cứ Biên bản nghiệm thu số**Căn cứ khác;**Theo đề nghị của.....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Hỗ trợ đầu tư đối với dự án.... của doanh nghiệp.... như sau:**

1. Mức vốn dự kiến hỗ trợ (cụ thể cho các hạng mục đầu tư):
2. Dự kiến thời gian:
3. Nguồn vốn:
4. Điều kiện hỗ trợ:

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan và doanh nghiệp:

1.....

2.....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan:....., doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Các Bộ: KH&ĐT, NN&PTNT, TC;
- Các sở, ngành liên quan;
- Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh;
- Đơn vị có liên quan khác;
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 06

DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**V/v đề nghị thanh toán
hỗ trợ....

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.....

Doanh nghiệp:

Trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Tài khoản số tại

- Lý do thanh toán:

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hạng mục đầu tư được hỗ trợ:

+

- Số tiền đề nghị thanh toán:..... (Viết bằng chữ):

- Thuộc nguồn vốn:.....

- Kế hoạch năm:.....

- Hồ sơ kèm theo gồm:

Nơi nhận:

.....

**CHỨC DANH NGƯỜI ĐẠI DIỆN
DOANH NGHIỆP***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng.... năm

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KHUYẾN
KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO
NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN**

1. Kết quả đạt được

- Về các chính sách của địa phương ban hành để triển khai chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn:.....

- Về công tác phổ biến, tuyên truyền chính sách:.....

- Về huy động nguồn vốn thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, gồm: Vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương, vốn của doanh nghiệp và các nguồn vốn khác. So sánh vốn huy động thời kỳ báo cáo với giai đoạn trước.

- Số lượng dự án, số lượng doanh nghiệp dự án được hưởng chính sách:.....

- Kết quả thực hiện của các dự án được hỗ trợ, như: Tạo việc làm, thu nhập của người lao động, đóng góp cho ngân sách địa phương,...

- Đánh giá chung:.....

2. Tồn tại, hạn chế

3. Đề xuất và kiến nghị

- *Trưởng hợp đề xuất tổng hợp cho kế hoạch đầu công trung hạn: Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế xã hội, phát triển nông nghiệp, nông thôn, và tình hình phát triển doanh nghiệp tại địa phương, cơ quan xây dựng báo cáo nghiên cứu, đánh giá và đề xuất nhu cầu vốn hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (bao gồm: vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương).*

- Các nội dung khác.

4. Biểu báo cáo kèm theo.

Nơi nhận:

- Bộ KH&ĐT (để báo cáo);
- Các sở, ngành liên quan;
- Đơn vị có liên quan khác;
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**DANH MỤC DỰ ÁN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN
HẰNG NĂM (THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ...../2023/NĐ-CP)**

(Kèm theo văn bản số...../.... ngày....tháng...năm..... của)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Doanh nghiệp (Giấy CNĐKKD)	Mục tiêu, quy mô dự án ¹	Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy CNĐKĐT ²		NSNN hỗ trợ lũy kế đến hết ngày 31/12/năm thứ N-1		NSNN hỗ trợ năm thứ N		Đề xuất nhu cầu hỗ trợ bổ sung từ NSNN		Ghi chú
				Số Quyết định CTĐTDA hoặc Giấy CNĐKĐT, ngày/tháng/năm	TMĐT	TW	ĐP	TW	ĐP	TW	ĐP	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ											
1	Tên dự án											
2												
3												

¹ Quy mô dự án: Quy mô, số lượng sản phẩm đầu ra của dự án; diện tích sử dụng đất, diện tích đất xây dựng của dự án.

² Đối với dự án đề xuất hỗ trợ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn: Nộp kèm Quyết định chủ trương đầu tư, văn bản đề nghị hỗ trợ đầu tư và văn bản liên quan (nếu có); Trường hợp đăng ký trong kế hoạch đầu tư công hằng năm nộp kèm và ghi số Quyết định hỗ trợ đầu tư của UBND cấp tỉnh.

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Dự thảo
8/2023

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ .../2023/NĐ-CP NGÀY .../.../2023 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Khoản 6 Điều 5 Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Điểm a, Khoản 1 Điều 15 Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày .../.../2023 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn như sau:

1. Về cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công cho đối tượng doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn:

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày .../.../2023 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2. Hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo quy định tại Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày .../.../2023 thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định tại khoản 6, Điều 5 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành:

Bộ trưởng các Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành:

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2).vH

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Danh sách hội, hiệp hội ngành nghề liên quan	
Tổng Hội Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam	Số 60 Trung Kính, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội / Điện thoại: 0243 782 4680; Email: tonghoinnvn@gmail.com
Hội Nông nghiệp tuần hoàn Việt Nam	LK.C23, Dự án Khu nhà ở thấp tầng A1TT1, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
Hiệp hội nông nghiệp hữu cơ Việt Nam	Số 42 Nguyễn Đình Hoàn - Phường Nghĩa Đô - Quận Cầu Giấy - Hà Nội; 02432272806
Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành nghề nông thôn Việt Nam	Số nhà 12 ngõ 81 đường Lâm Du, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; Điện thoại: (0243) 6251 2779 091 300 0621; Email: vn.varisme@gmail.com quangminhlanly@gmail.com hoangsam.dnth@gmail.com
Hiệp Hội Gỗ Và Lâm sản Việt Nam	Số 189 Thanh Nhân, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; điện thoại 024 3632 0746; Email: info@vietfores.org.vn; info@vietfores.org
Văn phòng đại diện Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam	số 10, Nguyễn Công Hoan, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội. Tel: (+84 24) 3.7715055 - Fax: (+84 24) 37715084 - Email: vasephn@vasep.com.vn
Hiệp Hội XNK Thực Phẩm Việt Nam AVF.	Số 9 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội; điện thoại 0333 333 333, email: hanoi@gmail.com,
Hội Chăn nuôi Việt Nam	Địa chỉ: Số 73 (Tầng 4) Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội; Hotline: 024.38691511/38687708/35335758/0932 356 521; Email: vanphong@hoichannuoi.vn